

育成就労外国人健康診断個人票

Phiếu khám sức khỏe cá nhân cho người lao động nước ngoài tham gia Lao động đào tạo

氏名 Họ tên		生年月日 Ngày tháng năm sinh	年月日 Ngày tháng năm	検診年月日 Ngày tháng năm khám sức khỏe	年月日 Ngày tháng năm
		性別 Giới tính	男・女 Nam / Nữ	年齢 Tuổi	歳 tuổi
業務歴 Lịch sử công việc		血圧 Huyết áp (mmHg)			
		貧血検査 Xét nghiệm thiếu máu	血色素量 (g/dℓ) Lượng huyết sắc tố (g/dℓ)		
			赤血球数 (万/mm ³) Số lượng hồng cầu (10.000/mm ³)		
既往歴 Tiền sử bệnh án		肝機能検査 Xét nghiệm chức năng gan	G O T (IU/ℓ)		
			G P T (IU/ℓ)		
			γ - G T P (IU/ℓ)		
自覚症状 Triệu chứng chủ quan		血中脂質検査 Xét nghiệm lượng mỡ trong máu	LDL コレステロール (mg/dℓ) Cholesterol LDL (mg/dℓ)		
			HDL コレステロール (mg/dℓ) Cholesterol HDL (mg/dℓ)		
			トリグリセライド (mg/dℓ) Triglyceride (mg/dℓ)		
他覚症状 Triệu chứng khách quan		血糖検査 (mg/dℓ) Xét nghiệm đường huyết (mg/dℓ)			
		尿検査 Xét nghiệm nước tiểu	糖 Đường		
			蛋 白 Đạm		
身長 (cm) Chiều cao (cm)		心電図検査 Kiểm tra điện tâm đồ			
体重 (kg) Trọng lượng cơ thể (kg)		その他の検査 Xét nghiệm khác			
B M I		医師の診断 Chẩn đoán của bác sĩ			
腹 囲 (CM) Vòng bụng (cm)					

視力 Thị lực	右 Phải	()	
	左 Trái	()	
聴力 Thính lực	右 1,000Hz 4,000Hz Phải 1.000Hz 4.000Hz	1 所見なし Không có nhận xét bất thường 2 所見あり Có nhận xét bất thường	備考 Ghi chú
	左 1,000Hz 4,000Hz Trái 1.000Hz 4.000Hz	1 所見なし Không có nhận xét bất thường 2 所見あり Có nhận xét bất thường	
結核等 Bệnh lao, v.v.	胸部エックス線検査 Chụp X-quang ngực フィルム番号 Phim chụp số:	直接 間接 Trực tiếp Gián tiếp 撮影 年 月 日 Chụp ngày tháng năm No. 所見 : Nhận xét:	

(注意)

(Lưu ý)

1 BMI は、次の算式により算出すること。 $BMI = \frac{\text{体重(kg)}}{\text{身長(m)}^2}$
Chỉ số BMI phải tính bằng công thức sau. $BMI = \frac{\text{Trọng lượng cơ thể (kg)}}{\text{Chiều cao (m)}^2}$

2 「視力」の欄は、矯正していない場合は () 外に、矯正している場合は () 内に記入すること。
Tại cột "Thị lực", nếu không đeo kính thì điền ngoài dấu ngoặc (), nếu có đeo kính thì điền vào trong dấu ngoặc ().

3 「胸部エックス線検査」の欄に異常所見がある場合は、喀痰検査を実施し、活動性結核を否定すること。
Trường hợp tại cột "Chụp X-quang ngực" có nhận xét bất thường, phải tiến hành xét nghiệm đờm để loại trừ khả năng mắc bệnh lao hoạt tính.

4 「医師の診断」の欄は、異常なし、要精密検査、要診療等の医師の診断を記入すること。
Tại cột "Chẩn đoán của bác sĩ", phải điền kết luận chẩn đoán của bác sĩ như Không có bất thường, Cần xét nghiệm chuyên sâu, Cần điều trị, v.v.

5 現在治療中の疾病があるときには、「医師の診断」の欄に、現病歴、病名等医学的に特記すべき病状を記載すること。また、その場合は、処方されている全ての薬剤について備考欄に記載すること。
Trường hợp hiện tại có bệnh đang trong quá trình điều trị, tại cột "Chẩn đoán của bác sĩ", phải ghi rõ các tình trạng bệnh lý cần đặc biệt lưu ý về mặt y học như: tiền sử bệnh hiện tại, tên bệnh, v.v. Trong trường hợp đó, phải ghi rõ tất cả các loại thuốc đã được kê đơn vào cột ghi chú.

前記の者は、本邦において安定・継続的に就労活動を行うことについて、上記に示す感染症に感染しておらず、また、健康上の支障はありません。

Người có tên nêu trên không bị nhiễm các bệnh truyền nhiễm ghi ở phía trên, và không có trở ngại nào về mặt sức khỏe khi thực hiện các hoạt động lao động một cách ổn định và liên tục tại Nhật Bản.

作成年月日 年 月 日

Ngày tháng năm lập phiếu Ngày tháng năm

医師の署名 _____

Chữ ký của bác sĩ _____

受診者の申告書
Tờ khai của người khám sức khỏe

私は、通院歴、入院歴、手術歴、投薬歴の全てを医師に申告した上で、医師の診断を受けました。

Tôi đã khai báo toàn bộ lịch sử điều trị ngoại trú, lịch sử nhập viện, lịch sử phẫu thuật, lịch sử dùng thuốc cho bác sĩ và đã tiếp nhận chẩn đoán của bác sĩ.

作 成 年 月 日 年 月 日
Ngày tháng năm lập phiếu Ngày tháng năm

受診者（育成就労外国人）の署名 _____
Chữ ký của người khám sức khỏe
(Người lao động nước ngoài tham gia Lao động đào tạo) _____